

# GIAO LƯU VĂN HOÁ THÁI- MƯỜNG QUA TỬ LIỆU MỘ TÁNG Ở VÙNG LÒNG HỒ THỦY ĐIỆN TRUNG SƠN

NGUYỄN THỊ THANH VÂN

## Tóm tắt

Khu vực miền tây Thanh Hóa nói chung và vùng lòng hồ thủy điện Trung Sơn nói riêng vốn là địa bàn cư trú của người Thái và người Mường. Trong quá trình phát triển, họ đã sáng tạo nên những giá trị văn hóa tiêu biểu và độc đáo của riêng mình. Tuy nhiên, do sinh sống trên cùng một địa bàn nên người Thái và người Mường đã có những giao lưu, tiếp biến văn hóa mạnh mẽ. Qua một số ngôi mộ cổ của người Thái ở vùng lòng hồ thủy điện Trung Sơn, có thể thấy rõ sự giao lưu, tiếp biến văn hóa đo

**Từ khóa:** Dân tộc Thái, dân tộc Mường, giao lưu văn hóa, mộ táng

## Abstract

The western region of Thanh Hoa province in general and Trung Son hydroelectric reservoir in particular are the traditional residence of the Muong and Thai people. During their development process, they have created their own typical and unique culture values. However, due to living on the same areas, the Thai and Muong people have cultural exchanges and acculturations. Through some Thai's ancient tombs in the Trung Son hydropower reservoir, it is clearly to recognize those exchanges and acculturations.

**Keywords:** Thai people, Muong people, cultural exchange, tombs

## 1. Giới thiệu chung về lòng hồ thủy điện Trung Sơn

Vùng lòng hồ thủy điện Trung Sơn phân bố trong phạm vi 25 bản thuộc 5 xã, bao gồm các xã Trung Sơn (huyện Quan Hoá), Mường Lý, Trung Lý, Tam Chung (huyện Mường Lát - Thanh Hoá) và Tân Xuân (huyện Mộc Châu - Sơn La).

Khu vực khảo sát theo địa giới hành chính (Bảng 1).

Địa hình khu vực khá hiểm trở, giao thông không thuận lợi, chủ yếu là vách núi có độ dốc đứng cao, đổ thẳng xuống lòng sông Mã, xen lẫn một số khu vực nhỏ khá bằng phẳng được bồi tụ bởi một số con suối lớn.

Cư dân ở đây chủ yếu là người Thái, xen lẫn trong đó là một số ít người Mường, người Hmông sinh sống trong các bản của người Thái và theo phong tục của người Thái. Ở khu vực này đã phát hiện nhiều khu mộ táng cổ có kiến trúc mang đặc điểm chung của cả người Mường và người Thái, phân bố ở ven sông Mã và các dòng suối đổ ra sông Mã theo dạng xương cá, như suối (Huổi) Pa, suối Quanh, suối Tà Lào, suối Nghiều... thuộc địa phận hai huyện Quan Hoá (Thanh Hoá) và Mộc Châu (Sơn La). Đa phần các khu mộ này có niên đại trong khoảng thế kỷ XVII - XVIII, một số khu mộ tiếp tục được người dân địa phương sử dụng làm nơi chôn cất cho đến ngày nay.

Bảng 1

Tỉnh	Huyện	Xã	Thôn, bản
Thanh Hoá	Quan Hoá	Trung Sơn	Tà Bán, Co Me, Xước, Quán Nhục
	Mường Lát	Mường Lý	Tài Chánh, Kít, Mau, Chiềng Nưa, Nàng, Muống 2
		Trung Lý	Lìn, Tà Cóm, U, Cà Giáng, Chiềng Lý, Pa Búa
		Tam Chung	Poom Khuông, Cản, Kha Ni, Lát, Ko Đốc, Lâm trường
		TT Mường Lát	Poom Buôi
Sơn La	Mộc Châu	Xuân Nha	Pù Lầu
		Tân Xuân	Tà Lao Đông, Tà Lao Tây

## 2. Các khu mộ táng ở vùng lòng hồ thủy điện Trung Sơn

*Khu mộ Co Me:* có tọa độ 20°33'269" vĩ Bắc và 105°01'113" kinh Đông, thuộc khu vực bản Co Me, xã Trung Sơn, huyện Quan Hoá. Khu mộ phân bố ở khu rừng luồng ven bờ phải sông Mã, đối diện với nơi định cư của người dân phía bên kia sông và cách nơi dự kiến đặt chân đập thủy điện Trung Sơn về phía hạ lưu khoảng 200m. Khu vực này là bãi tha ma của bản Co Me, ở đây tập trung rất nhiều ngôi mộ đá cổ mà người dân cho là mộ vô danh, nằm xen lẫn với những ngôi mộ hiện đại được chôn cách đây vài chục năm. Gần đây, người dân ở Co Me đã bỏ khu mộ này và chuyển nghĩa địa sang cạnh làng ở phía bên này sông để tiện cho việc chôn cất. Tại đây hiện còn khoảng gần 30 ngôi mộ đá cổ, có quy mô lớn, phân bố dọc theo sườn núi xuống gần bờ sông. Cấu trúc mộ phía trên mặt đất có các viên đá tự nhiên kích cỡ lớn đánh dấu xung quanh mộ theo hình chữ nhật hay gần bầu dục, kích thước chiều dài của các mộ là 5m - 7m, chiều rộng là 4m - 6m. Ở một số mộ còn quan sát được phần nắm mộ hơi nổi cao hơn so với xung quanh, cho biết khả năng xưa kia những mộ này đều có nắm.

*Khu mộ Huổi Pa:* Tọa độ 20°37'514" vĩ Bắc và 104°49'780" kinh Đông, độ cao so với mặt nước biển 131m. Mặt bằng phân bố di tích là

một triền gò có độ dốc không lớn, diện tích khoảng 1000m<sup>2</sup>, hiện là khu rừng luồng, cạnh suối (Huổi) Pa, bản Tà Bán, xã Trung Sơn, huyện Quan Hoá. Ở khu vực này có rất nhiều ngôi mộ không có nắm, được đánh dấu bằng cách đặt các viên đá phiến kích cỡ khá lớn ở đầu hay/và xung quanh mộ, trong đó loại hình mộ chôn một phiến đá đơn lẻ chiếm số lượng chủ đạo. Đá đánh dấu mộ là loại đá phiến có sẵn trong tự nhiên. Khu mộ có cấu trúc độc đáo, còn khá nguyên vẹn, được bảo quản khá tốt, rất thuận lợi cho những giai đoạn nghiên cứu tiếp theo về táng tục và văn hóa truyền thống của người Thái ở đây. Người dân địa phương coi đây là khu mộ vô danh.

*Khu mộ Bằng Cang:* Tọa độ 20°37'988" vĩ Bắc và 104°49'126" kinh Đông. Khu mộ phân bố trên một mặt bằng có độ dốc nghiêng không lớn, ở bờ trái suối Quanh, thuộc khu rừng luồng của người dân bản Tà Bán, xã Trung Sơn, huyện Quan Hoá. Trong khu vực này cũng có rất nhiều ngôi mộ cổ được đặt các viên đá đánh dấu ở đầu hay/và xung quanh mộ. Diện phân bố của khu mộ rộng khoảng 1.000m<sup>2</sup> đang bị xâm hại nghiêm trọng do việc khai thác cây luồng của người dân Tà Bán.

*Khu mộ Tà Bán:* Tọa độ 20°37'235" vĩ Bắc và 104°50'390" kinh Đông. Khu mộ nằm ở chân núi, bên trái suối Tà Bán, thuộc khu vực bãi tha

ma và một phần nương ngô của người dân bản Tà Bán, xã Trung Sơn, huyện Quan Hoá. Mặt bằng phân bố khu mộ có độ dốc không lớn. Hiện khu vực này vẫn đang được sử dụng làm nghĩa địa của thôn Tà Bán, các ngôi mộ đá cổ nằm xen lẫn với những ngôi mộ hiện đại mới được chôn cất gần đây. Đây cũng là nơi có thể quan sát thấy những phong tục tập quán xưa vẫn được tiếp nối đến ngày nay một cách khá thú vị. Những ngôi mộ mới chôn gần đây vẫn sử dụng cách thức chôn/kè xung quanh mộ nhưng những viên đá được thay thế bằng các cột bê tông đúc sẵn hình khối chữ nhật có một đầu nhọn vươn lên trên. Ngoài ra, các ngôi mộ mới chôn còn có một “nhà mồ” làm từ tre lứa và lợp lá cây (gần đây là bạt nylon).

*Khu mộ Tiên Tăng:* Toạ độ 20°31'512" vĩ độ Bắc và 104°42'112" kinh độ Đông, nằm trong khu vực bản Chiềng Nưa, xã Mường Lý, huyện Mường Lát. Khu mộ nằm ở lưng chừng núi, phía trên bản, có độ cao so với mặt nước biển là 183m. Di tích này nằm ngoài vùng ngập và không bị ảnh hưởng gì khi xây dựng và vận hành thủy điện.

Khu mộ này có dạng tương tự khu mộ Huổi Pa, nằm trên sườn núi có độ dốc thoải và nhìn thẳng ra sông Mã. Trong khu mộ này có một ngôi mộ khá đặc biệt, cấu trúc mộ gồm một trụ đá (cao 2m tính từ mặt đất, rộng 0,4m; dày 0,2m), cột đá phía sau (cao 1m, rộng 0,3m, dày 0,2m) có chân choãi và phần đầu chống vào phía sau lưng trụ đá cao có tác dụng làm cho trụ đá lớn không bị nghiêng đổ, phía trước trụ đá lớn khoảng 0,5m là một cột đá (cao 0,6m, rộng 0,2m, dày 0,1m). Chất liệu các trụ đá là đá núi dạng cát kết có thể dễ dàng khai thác ở đây, nhưng để tạo thành những cột đá như trên thì phải được chế tác qua bàn tay của con người.

Theo truyền thuyết của dân bản thì đây là ngôi mộ của Tiên Tăng (người có chức quyền, tương tự như chúa bản, chúa Mường). Tương truyền rằng cột đá này được một viên Tri châu của vùng Quan Hoá xưa đứng ra xây dựng cho người chết. Qua so sánh loại hình di tích, có

thể đoán định niên đại khu mộ ở trong khoảng thế kỷ XVI - XVII.

*Khu mộ Bằng Nón:* Toạ độ 20°39'284" vĩ Bắc và 104°48'955" kinh Đông. Khu mộ nằm ở chân núi có độ dốc khá cao, bên phải suối Quanh, ở khu rừng luồng bản Tà Lào Đông, xã Tân Xuân, huyện Mộc Châu. Trong khu vực này có rất nhiều ngôi mộ cổ được đặt các viên đá kích cỡ khá lớn đánh dấu ở một đầu mộ. Điểm đặc biệt ở khu mộ này là người Thái ở bản Tà Lào Đông vẫn coi đây là mồ mả của tổ tiên họ mặc dù các ngôi mộ không có mối quan hệ cụ thể nào với từng dòng họ trong bản.

*Khu mộ Bản Ngheo:* Toạ độ 20°38'927" vĩ Bắc và 104°49'078" kinh Đông. Khu mộ nằm ở chân núi, phía bên trái suối Quanh, hiện là rừng luồng của bản Tà Lào Đông, xã Tân Xuân, huyện Mộc Châu. Khu vực này trước kia là đất của Bản Ngheo, nay bản này đã di dời đi nơi khác nhưng tên địa danh vẫn còn được lưu lại. Các ngôi mộ phổ biến được kè những viên đá có kích cỡ trung bình và nhỏ ở xung quanh mộ tạo hình tròn hay bầu dục. Mộ không còn nấm. Do quá trình phá đất trồng và khai thác luồng nên di tích đã bị phá mất phần lớn.

*Khu mộ nhà ông Đức:* Toạ độ 20°39'099" vĩ Bắc và 104°47'823" kinh Đông. Khu mộ nằm ở chân núi, phía trái và cách ngã ba đoạn suối Nghiều đổ ra suối Tà Lào khoảng 300m, trong khu vực nhà ở và vườn của gia đình ông Hà Văn Đức bản Tà Lào Tây, xã Tân Xuân, huyện Mộc Châu. Tương tự như nghĩa địa Bản Ngheo, trước kia đây là nơi chôn cất mồ mả của cư dân Bản Nghiều nhưng cách đây vài chục năm Bản Nghiều đã chuyển đi nơi khác nên khu nghĩa địa này hiện không còn được sử dụng. Người dân bản Tà Lào Tây không coi đây là khu mộ, và vì vậy họ khai thác những phiến đá dựng xung quanh mộ để phục vụ cho việc sinh hoạt hàng ngày như làm đá tảng kè chân cột nhà, rải lát đường đi, lát nền nhà tắm...

### **3. Giao lưu văn hoá Mường - Thái qua các khu mộ táng vùng lòng hồ thủy điện Trung Sơn**

Các khu mộ táng trong vùng lòng hồ thủy điện Trung Sơn được khảo sát ở trên đều có cấu trúc tương tự nhau, là loại hình mộ kè đá ở một đầu, hai đầu hay ở xung quanh mộ. Đá kè mộ (còn gọi là hòn mồ) đều là loại đá núi tự nhiên với các kích cỡ lớn nhỏ khác nhau. Loại hình kiến trúc mộ táng này tương tự các khu mộ Mường ở Đống Thếch, Ngọc Lâu, Đồi Thung, Dũng Phong, Kim Truy (Hoà Bình)(4), khu mộ Mường Vang (Sơn La)(3)... đã được nghiên cứu trước đây. Đây cũng “là dạng kiến trúc mộ táng phổ biến ở một số khu vực cư trú truyền thống của người Thái, mà đại diện tiêu biểu là các khu mộ của người Thái ở dọc đường 7, thuộc địa phận ba huyện Con Cuông, Tương Dương và Kỳ Sơn (Nghệ An), nơi có tới hơn 7 vạn người Thái sinh sống” (1, tr.248).

Những kết quả nghiên cứu từ trước đến nay ở các khu mộ Mường cổ cho biết loại hình mộ táng kè đá xung quanh đã xuất hiện ở dân tộc Mường từ thời Lý cho đến thế kỷ XVIII, trên địa bàn khá rộng ở vùng Tây Bắc nhưng tập trung nhiều nhất ở tỉnh Hoà Bình - địa bàn gốc của người Mường, nơi có các mường lớn như Mường Bi, Mường Vang, Mường Thành, Mường Động. Các khu mộ Mường cổ thường có cấu trúc trên mặt là những phiến đá lớn nhỏ khác nhau, gọi là các hòn mồ, trong đó người con trai cả là người chôn hòn mồ đầu tiên, là hòn đá cao nhất ở đỉnh đầu người chết, các con cháu còn lại chôn ở hai bên sườn và dưới chân. Huyệt mộ được đào sâu từ 0,6m đến 1,2m tùy theo điều kiện giàu nghèo của từng gia đình, dòng họ. Đáy mộ được rải tro than, trên mộ là nắm mộ và kiến trúc nhà mồ được dựng bằng tranh, tre, lúa, lá (4).

Cấu trúc này cũng là đặc điểm chung của các khu mộ cổ trong khu vực lòng hồ thủy điện Trung Sơn. Các hòn mồ này tùy theo gia đình, dòng họ khá giả hay nghèo túng mà có kích thước to, nhỏ, cao, thấp khác nhau. Ở đây số lượng hòn mồ chôn trong các ngôi mộ không đồng nhất với nhau, có mộ chôn 4 hòn mồ, có mộ có 5 hòn mồ và có mộ có tới 7 hòn

mồ. Số lượng các hòn mồ được xếp quanh mộ có nhiều ý nghĩa và cách giải thích khác nhau. Nhìn vào vị trí xếp hòn mồ trên mộ: “nếu người chết là đàn ông thì năm phiến đá có ba phiến dựng bên trái, hai phiến dựng bên phải. Còn nếu là đàn bà thì ba phiến chôn bên phải và hai phiến chôn bên trái. Thông thường các phiến đá ở đầu người chết cao hơn các phiến đá ở nơi khác” (5, tr.146).

Theo nguồn dân tộc học tại địa phương thì số lượng các hòn mồ được xếp xung quanh mộ còn liên quan đến số con trong gia đình. Thường người con trai trưởng trong gia đình được đặt hòn mồ ở đầu của ngôi mộ, còn người con út sẽ đặt ở phía chân của mộ. Các con còn lại được xếp hòn mồ ở hai bên phải và trái của mộ, không quy định bên dành cho con trai hoặc con gái. Trong trường hợp người chết không có con trai thì ông trưởng họ là người đặt hòn mồ ở vị trí đầu của ngôi mộ. Còn đối với người không có con cái mà chết do già cả thì người trong dòng họ sẽ phải đặt các hòn mồ ở xung quanh mộ.

Có thể thấy, việc xếp các hòn mồ xung quanh mộ của người Thái ở vùng lòng hồ thủy điện Trung Sơn có nhiều ý nghĩa khác nhau:

- Hòn mồ là hòn đá đánh dấu của mộ hoặc làm bia mộ.

- Hòn mồ có ý nghĩa tưởng niệm và ghi nhớ người đã mất.

- Hòn mồ có ý nghĩa là hồn vía của người đã mất, khi người mất thì hồn vía của họ về sẽ đậu trên các hòn mồ. “Theo quan niệm của người Thái cổ con người có 120 linh hồn, khi chết linh hồn chia làm hai bộ phận, một bộ phận gồm 30 linh hồn thân xác ở lại nghĩa địa còn 90 linh hồn ở đầu đi lên trời” (5, tr.145).

Hầu hết các ngôi mộ Thái cổ ở vùng lòng hồ thủy điện Trung Sơn đều có rải than tro. Tro than được rải ở đáy của huyệt mộ, sau khi đặt quan tài xong thì tro than tiếp tục được đổ xung quanh quan tài tạo thành một khối

vuông vức. Tất cả tro than đều được đổ đầy bằng mặt của quan tài. Sau đó lớp tro than trên cùng được đổ và phủ lên trên mặt quan tài trước khi lấp đất tạo nấm mồ cho mộ. Hiện nay, tục rải tro than của người Thái ở đây ít phổ biến, trừ trường hợp những gia đình có điều kiện kinh tế hoặc bắt buộc phải làm theo quan niệm tín ngưỡng.

Theo tài liệu điều tra dân tộc học tại địa phương thì tục rải tro than của người Thái ở vùng lòng hồ thủy điện Trung Sơn liên quan đến tục quản xác người chết tại nhà. Trước kia họ thường quản xác tại nhà rất dài, từ một tuần cho đến một tháng. Quá trình quản xác trong nhà, xác thường được để lên trên, phía dưới xác được rải tro than để thấm nước từ xác chảy ra. Tro than này thường xuyên được thay mới và tro than cũ được họ mang ra rải xuống huyệt mộ. Dần dần hiện tượng này trở thành phong tục, khi chôn người chết họ đều rải tro than ở mộ.

Vấn đề giao lưu văn hoá giữa người Thái và người Mường qua tư liệu mộ táng đã được nhiều nhà nghiên cứu đề cập đến. Ở Mai Châu (Hoà Bình) và một số nơi khác thuộc các tỉnh Sơn La, Thanh Hoá, nơi mà người Mường và người Thái sống xen cư, đã phát hiện một số khu mộ đá cổ có cấu trúc bề mặt giống hệt với các khu mộ Mường cổ ở Hoà Bình và tương tự các khu mộ đã phát hiện trong khu vực lòng hồ thủy điện Trung Sơn. Nhóm mộ này được người Thái ở những nơi đó nhận là khu mộ địa của dòng tộc mình. Những ngôi mộ dạng này ở Sơn La, nơi người Mường và người Thái sống xen kẽ tương tự, thì người Mường lại nhận đó là khu mộ của họ (2, tr.178). Bên cạnh cấu trúc mộ, táng tục thể hiện qua mộ táng ở người Thái cũng giống ở người Mường, kể cả những chi tiết nhỏ như tục rải tro than, số lượng cột đá, quan niệm về sự tồn tại linh hồn và đá là nơi trú ngụ của linh hồn... Qua những tư liệu mộ táng và táng tục, có thể nhận thấy sự giao lưu văn hoá giữa một số nhóm Thái và người Mường diễn ra rất đậm nét (4, tr.136).

Trên thực địa, nếu không xét đến tộc người cư trú ở khu vực đó, thì hầu như không thể phân biệt được đâu là khu mộ của người Thái và đâu là khu mộ của người Mường. Xét về truyền thống mộ táng, hầu như tất cả các nhóm người Mường đều sử dụng dạng kiến trúc mộ táng này ở các khu mộ của họ trong một khoảng thời gian lâu dài, từ thời Lý cho đến thế kỷ XVIII, ở một số nơi, còn kéo dài cho đến nay. Trong khi đó, người Thái chỉ có một số nhóm sử dụng kiểu kiến trúc mộ táng này và hầu hết đều là những nhóm người Thái sinh sống xen kẽ với người Mường. Về niên đại các khu mộ đá cổ của người Thái cũng xuất hiện muộn hơn so với các khu mộ Mường. Kết quả nghiên cứu khảo cổ - dân tộc học cho biết các khu mộ ở vùng lòng hồ thủy điện Trung Sơn đã được phát hiện trên đều có niên đại tập trung ở giai đoạn cuối của nhóm mộ Mường chôn theo dạng thức này, trong khoảng thế kỷ XVII - XVIII (6).

Nghiên cứu về các khu mộ ở vùng lòng hồ thủy điện Trung Sơn có thể nhận thấy sự khác biệt khá lớn trong ứng xử của người Thái đối với các khu mộ này. Ở khu mộ Nhà ông Đức, người dân không coi đây là khu mộ và do vậy họ không những cư trú mà còn khai thác những hòn mồ để xây dựng các công trình dân dụng. Đến các khu mộ Huổi Pa, Bằng Cang và Bản Ngheo, người dân coi đây là những khu mộ cổ vô chủ. Với khu mộ Bằng Nón, người dân lại coi đây là khu mộ của tổ tiên họ mặc dù kết quả điều tra dân tộc học không cho thấy bất cứ mối quan hệ thân thuộc rõ ràng nào. Các khu mộ Co Me và Tà Bán thì bên cạnh việc coi đó là những khu mộ của tổ tiên, người Thái ở bản Co Me và Tà Bán vẫn tiếp tục sử dụng nơi đây làm nghĩa địa. Đặc biệt, ở khu mộ Tà Bán, truyền thống chôn cất người chết vẫn được tiếp tục kéo dài cho đến nay, mặc dù những chất liệu truyền thống như đá hòn mồ, lá lợp nhà mồ... đã được thay bằng những vật liệu kiến trúc hiện đại như cột bê tông đúc sẵn và bạt nilon. Sự thay đổi cách thức ứng xử đó đồng thời cũng tương ứng với sự thay đổi theo địa hình từ vùng cao xuống

vùng thấp hơn của khu vực, từ phía đồi núi cao Mộc Châu xuống vùng sườn núi thấp hơn đở ra sông Mã ở Quan Hoá.

Có thể thấy ở vùng lòng hồ thuỷ điện Trung Sơn, ngoài người Thái chiếm phần lớn dân số, thì người Mường ở đây cũng khá đông đảo. Hai tộc người này sống hoà đồng với nhau trong cùng một bản và không có sự phân biệt/ki thị về tộc người. Cư dân người Mường hiện nay sinh sống trong các bản Thái đều theo phong tục của người Thái. Điều đó cho thấy việc giao lưu, hội nhập văn hoá tộc người ở khu vực này đã và đang diễn ra rất mạnh mẽ.

Qua nghiên cứu trường hợp các khu mộ

táng trong vùng lòng hồ thuỷ điện Trung Sơn, có thể nhận định rằng, trong lịch sử, cùng với sự chuyển cư của người Mường từ vùng núi cao hiểm trở xuống vùng thấp hơn, thuận lợi hơn cho việc làm ăn thì người Thái cũng chuyển cư đến các khu vực bản cũ của người Mường. Ở những nơi này, những người Thái mới đến và những người Mường còn ở lại đã chung sống hoà bình với nhau. Trong quá trình đó, người Thái đã tiếp thu những yếu tố văn hoá mới từ người Mường làm phong phú thêm cho nền văn hoá của họ. Đồng thời, theo thời gian người Thái cũng tạo ra những ảnh hưởng, tác động mạnh mẽ đến đời sống văn hóa người Mường cùng chung sống với họ, tiêu biểu là nhóm người Mường sinh sống trong các bản người Thái, theo phong tục của người Thái ở vùng lòng hồ thuỷ điện Trung Sơn hiện nay.

\*

\*       \*

Việc phát hiện các khu mộ đá cổ ở khu vực sinh sống của người Thái nhưng lại mang phong cách của mộ Mường trong vùng lòng hồ thuỷ điện Trung Sơn là một phát hiện khá lý thú. Những nghiên cứu so sánh trên đây mới chỉ là bước đầu dựa trên cơ sở loại hình kiến trúc bề mặt của các khu mộ và táng tục. Dẫu vậy cũng có thể nhận thấy người Thái và người Mường ở nơi đây đã có một mối quan hệ gắn

bó, tương đồng và sự giao lưu, tiếp biến văn hoá sâu sắc trên cơ sở tự nguyện, tự giác giữa hai tộc người.

Trong tương lai, việc nghiên cứu kỹ hơn các khu mộ và táng tục của người Thái, người Mường định cư ở đây sẽ góp phần làm rõ hơn bức tranh về nguồn gốc, lịch sử di cư, sự phân bố các tộc người ở khu vực phía tây Thanh Hoá cũng như các đặc trưng sinh hoạt văn hóa thường ngày, quá trình giao lưu, hội nhập văn hoá giữa người Thái, người Mường và các tộc người thiểu số khác.

N.T.T.V

(TS, Khoa Văn hóa Dân tộc thiểu số)

---

#### Tài liệu tham khảo

1. Vi An (1988), *Mộ Thái ở vùng đường 7 Nghệ Tĩnh*, trong Những phát hiện mới về khảo cổ học 1988, Viện Khảo cổ học, Hà Nội.
2. Nguyễn Trường Kỳ, Lê An (1988), *Phát hiện ba khu mộ Mường ở Sơn La*, trong Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1988, Hà Nội.
3. Lê Đình Phụng, Phan Tiến Ba (1986), *Khumộ Mường Đống Thếch (Hà Sơn Bình)*, Tạp chí Khảo cổ học, số 3, tr. 43-51.
4. Phạm Quốc Quân (1994), *Các di tích mộ Mường cổ ở Hoà Bình và Hà Tây*, Luận án Tiến sỹ Lịch sử, Hà Nội.
5. Hoàng Minh Tường (2009), *Mộ đá của người Thái ở bản Chiềng*, trong Thông báo khoa học số 3, Bảo tàng Thanh Hóa.
6. Viện Khảo cổ học (2008), *Báo cáo khảo sát các nguồn văn hoá vật thể tại khu vực dự án thuỷ điện Trung Sơn, tỉnh Thanh Hoá*, Tư liệu Viện Khảo cổ học.

---

Ngày nhận bài: 28 - 8 - 2015

Ngày phản biện, đánh giá: 9 - 6 - 2016

Ngày chấp nhận đăng: 28 - 6 - 2016

